Đơn vị: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định

Chương : 014

Biểu số 01

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022

Về việc công bố công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi phí thi hành án dân sự năm 2022 của Cục Thi hành dân sự tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số 196/QĐ-CTHADS, ngày 29 / 8 /2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định)

ĐVT: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Quy Nhơn	An Nhơn	Tuy Phước	Vĩnh Thạnh	Tây Sơn	Hoài Nhơn	Phù Mỹ	Hoài Ân	An Lão	Phù Cát	Vân Canh
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
1	**Số thu phí, lệ phí**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1.1	Số thu được để lại (gồm số nộp về Tổng cục và số để lại đơn vị)	**144.888**	**144.888**	16.387	87.057	8.408	4.864	171	7.298	14.724	1.836	2.007	129	1.707	300
1.2	Số thu nộp ngân sách (25% của tổng số thu và 15% của số thu được để lại)	**-144.888**	**-144.888**	-16.387	-87.057	-8.408	-4.864	-171	-7.298	-14.724	-1.836	-2.007	-129	-1.707	-300
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**														
2.1	**Chi quản lý hành chính**	**493.022**	**493.022**	**59.791**	**282.047**	**30.673**	**17.751**	**623**	**26.625**	**53.718**	**6.694**	**7.317**	**466**	**6.228**	**1.089**
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	**493.022**	**493.022**	59.791	282.047	30.673	17.751	623	26.625	53.718	6.694	7.317	466	6.228	1.089
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	**0**	**0**												
3	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**144.888**	**144.888**	**16.387**	**87.057**	**8.408**	**4.864**	**171**	**7.298**	**14.724**	**1.836**	**2.007**	**129**	**1.707**	**300**
	Phí thi hành án nộp NSNN	**144.888**	**144.888**	16.387	87.057	8.408	4.864	171	7.298	14.724	1.836	2.007	129	1.707	300
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Chi quản lý hành chính (Loại 340-341)**	**0**	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ														
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ														
3	**Chi sự nghiệp đào tạo (Loại 070-085)**	0	0												
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0													